

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH (VTS)

- Mã thành viên: 089
- Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ: 028 3914 7799 Fax: 028 3914 4511
- E-mail: cbtt@vts.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành công bố Báo cáo thường niên 2022 (File đính kèm).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2023 tại đường dẫn

<http://vts.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cau-thuong-nien-2022/vi-VN/26/140272/75.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN



2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CTCP CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH	4
1.	Quá trình hình thành và phát triển	5
2.	Các lĩnh vực hoạt động của VTS	6
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
4.	Định hướng phát triển	8
5.	Rủi ro	8
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	9
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	9
2.	Tổ chức và nhân sự	11
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	12
4.	Tình hình tài chính	13
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	13
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	14
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	15
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
2.	Tình hình tài chính	16
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	17
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	17
5.	Giải trình của Ban giám đốc đối với vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.	18
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	19
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	19
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	19
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	19
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	20
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

1.	Hội đồng quản trị	20
2.	Ban Kiểm soát.....	21
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	21
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	23
1.	Ý kiến kiểm toán.....	23
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	24

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. THÔNG TIN CTCP CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**
- Tên gọi tắt bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**
- Tên tiếng Anh: **VIET THANH SECURITIES COMPANY**
- Tên viết tắt: **VTs**
- Địa chỉ: **Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.**
- Điện thoại: **(84.28) 3914 7799** Hotline: **(84.28) 3821 8686**
- Fax: **(84.28) 3914 4511**
- Email: vtc@vtc.com.vn
- Website: www.vtc.com.vn
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên;
Chức danh: **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**
- Người công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên
Chức danh: **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**
Email dùng để công bố thông tin: cbtt@vtc.com.vn
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 84/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/03/2008.
- Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số: 0305544188, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 15 tháng 12 năm 2022.
- Nghiệp vụ kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính khác;
 - Lưu ký chứng khoán.
- Mã số thuế: **0305544188**
- Vốn điều lệ (đến 31/12/2022): **300.000.000.000 đồng** (Ba trăm tỷ đồng).

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1 Quá trình thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (Viet Thanh Securities Company - VTS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 84/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/03/2008. Với vốn điều lệ ban đầu là 35 tỷ đồng, VTS đã thực hiện cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán và dịch vụ tư vấn chứng khoán cho các tổ chức và nhà đầu tư cá nhân chiến lược trong và ngoài nước.

1.2 Các sự kiện quan trọng:

- Ngày 16/05/2008, VTS là thành viên của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam với số đăng ký 089.
- Ngày 24/09/2008 Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HSX) có quyết định chính thức công nhận tư cách thành viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành.
- Ngày 30/09/2008 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (số 45-47 Bến Chương Dương, Q. 1, Tp. HCM) diễn ra “Lễ trao quyết định và công nhận tư cách thành viên và chào mừng ngày giao dịch chính thức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành - VTS”.
- Ngày 20/02/2009, VTS là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 59/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.
- Ngày 03/06/2009, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 227/QĐ-TTGDHN chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 04/09/2009, VTS chính thức triển khai hệ thống giao dịch trên thị trường UPCoM căn cứ theo Quyết định số 504/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận thành viên Hệ thống đăng ký giao dịch UPCoM.
- Tháng 02/2010, VTS đã kết nối thành công giao dịch trực tuyến qua internet với HSX và được công nhận là thành viên giao dịch trực tuyến qua internet của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM ngày 04/03/2010.
- Năm 2010, VTS kết nối thành công giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 396/QĐ-SGDHN.
- Ngày 15/12/2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ Giao dịch Chứng khoán Trực tuyến cho VTS theo Quyết định 1059/QĐ-UBCK.
- VTS thay đổi trụ sở chính sang địa điểm: Lầu 12, Tòa nhà VTP, số 08 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM theo giấy phép điều chỉnh của UBCK số 14/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 04 năm 2013.
- Ngày 25/09/2015, VTS nâng vốn điều lệ lên 70,000,000,000 đồng (bảy mươi tỷ đồng).
- Tháng 06/2016: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Tháng 09/2017, VTS thay đổi trụ sở chính sang địa điểm: Tầng 02, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó được UBCK cấp giấy điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2017.
- Ngày 02/04/2019, VTS nâng vốn điều lệ lên 150,000,000,000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).
- Ngày 15/10/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán của VTS theo giấy phép điều chỉnh số 61/GPĐC-UBCK.
- Ngày 27/12/2021, VTS nâng vốn điều lệ lên 300,000,000,000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).
- Ngày 18/07/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam có quyết định công nhận tư cách thành viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành.
- Ngày 29/12/2022: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán.

2. Các lĩnh vực hoạt động của VTS

2.1 Ngành nghề kinh doanh



**Môi giới
chứng khoán**



**Tự doanh
chứng khoán**



**Tư vấn đầu tư
chứng khoán và tư
vấn tài chính khác**



**Lưu ký
chứng khoán**

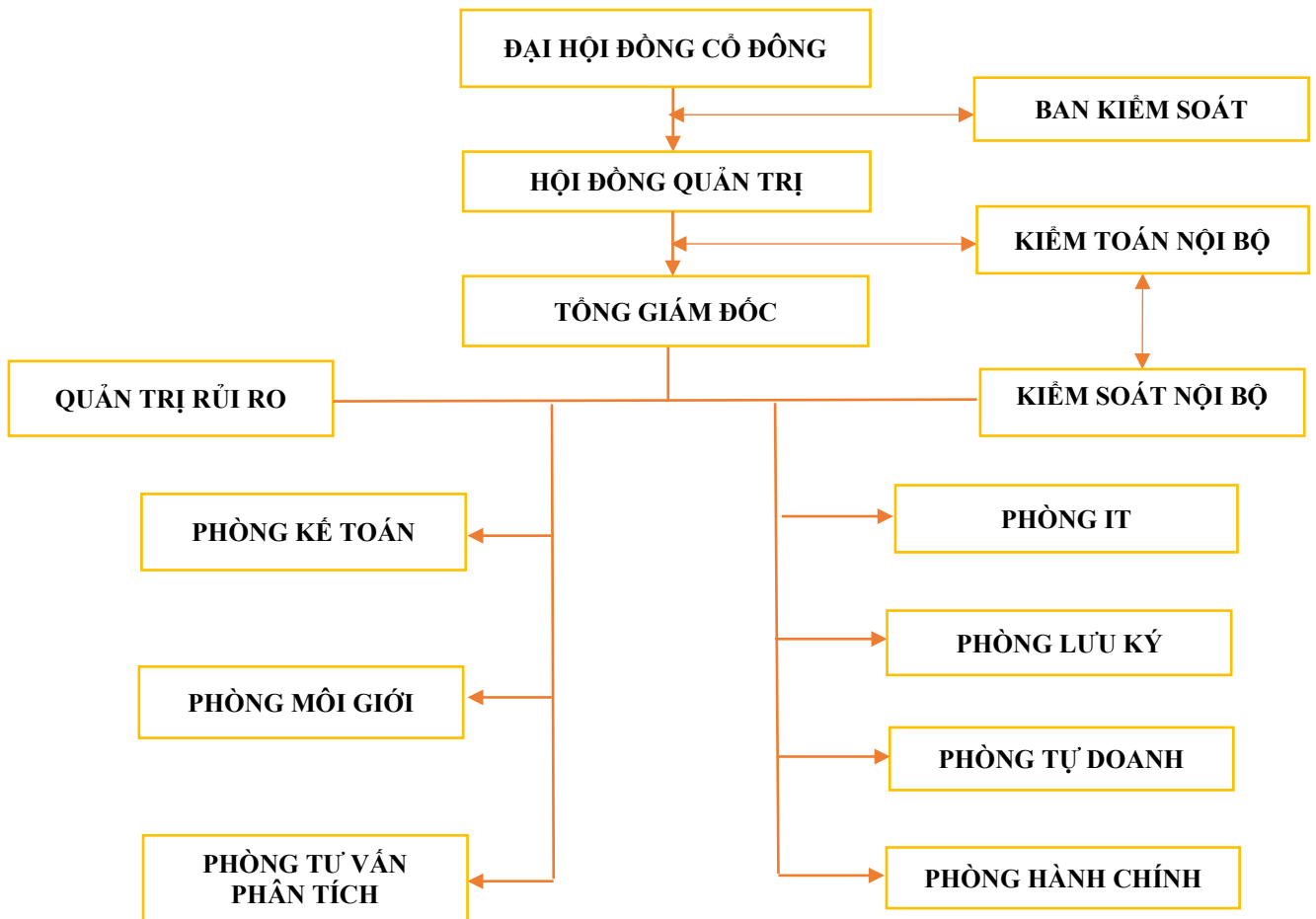
2.2 Địa bàn kinh doanh

Trụ sở hoạt động chính của công ty tọa lạc tại địa điểm: Tầng 02, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức VTS



• HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- | | |
|---------------------------|------------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên: | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Nguyễn Ngọc Tranh: | Thành viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Mai Thành Chương: | Thành viên Hội đồng quản trị |

• BAN ĐIỀU HÀNH

- | | |
|---------------------------|----------------|
| - Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên: | Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Quang Hồng: | Kế toán trưởng |

• BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| - Bà Đào Thị Lan: | Trưởng ban kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Tuyết: | Thành viên ban kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Văn Trung: | Thành viên ban kiểm soát |

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu 2023

Năm 2023, VTS đề cao chiến lược đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động cốt lõi của công ty, cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh nghiệp vụ môi giới và chăm sóc khách hàng. Nâng cao trải nghiệm khách hàng đồng thời tiếp tục tập huấn đào tạo cán bộ công nhân viên, huấn luyện nghiệp vụ, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo niềm tin, sự gắn kết với khách hàng.
- Phát triển hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp bằng việc chú trọng vào đào tạo, huấn luyện chuyên sâu, nhằm đưa chất lượng dịch vụ của Công ty từng bước nâng cao.
- Cải thiện hoạt động tự doanh, nâng cao chất lượng các khoản đầu tư thông qua việc nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán nhằm thúc đẩy doanh thu và cải thiện lợi nhuận hoạt động của công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng mạng lưới khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới.
- Mở rộng nguồn vốn kinh doanh thông qua việc huy động bằng việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, đồng thời bổ sung thêm nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán, góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Giám sát chặt chẽ các hoạt động quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tập trung quản trị an toàn hoạt động ký quỹ, tự doanh chứng khoán.

4.2 Chiến lược phát triển

VTS xây dựng chiến lược với mục tiêu cốt lõi là nâng cao chất lượng dịch vụ sản phẩm, hoàn thiện danh mục sản phẩm và dịch vụ cung cấp tới cho khách hàng, mở rộng nguồn vốn đảm bảo yêu cầu về các nghiệp vụ mới, đồng thời nâng cao tính bảo mật hệ thống công nghệ thông tin nhằm vận hành ổn định, mang lại trải nghiệm dịch vụ ổn định cho khách hàng.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường như thực hiện các ý tưởng bảo vệ môi trường thông qua hoạt động dọn dẹp vệ sinh ở khu vực trụ sở; gia tăng ý thức của cán bộ nhân viên thông qua việc phân loại rác thải tại nơi làm việc, cũng như tổ chức những buổi trao đổi về các ý tưởng bảo vệ môi trường.

5. Rủi ro

5.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là những rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản mà VTS đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi cho công ty. Sự thay đổi của tỷ giá, biến động lãi suất, sức khỏe nền kinh tế và những diễn biến của các nền kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp lên tài sản của Công ty. Do đó để kiểm soát và hạn chế rủi ro thị trường, VTS thường xuyên theo dõi và đánh giá tình hình biến động của nền kinh tế, quản lý danh mục đầu tư của công ty bằng một số công cụ một cách đa chiều, toàn diện.

5.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, VTS xây dựng quy trình nhằm theo dõi và kiểm soát chặt chẽ các nghĩa vụ thanh toán hàng tháng.

5.3 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác, khách hàng không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. VTS thường xuyên có những đánh giá về tài sản khách hàng, đối tác để đảm bảo các đối tác đáp ứng đầy đủ khả năng thanh toán.

5.4 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật: lỗi hệ thống như đường truyền, phần mềm, phần cứng, bảo mật thông tin...; lỗi từ quy trình nghiệp vụ; lỗi của con người trong quá trình tác nghiệp; lỗi hoạt động do thiếu vốn kinh doanh; hoặc các lỗi do các nguyên nhân khách quan khác. Nhằm hạn chế những rủi ro trong hoạt động, VTS thường xuyên tổ chức những buổi họp, những buổi huấn luyện nhằm phổ biến quy trình nghiệp vụ cho nhân viên, kiểm soát việc truy cập thông tin trong nội bộ, cập nhật và hoàn thiện hệ thống phần mềm.

5.5 Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. VTS đã thành lập bộ phận quản trị rủi ro, ban hành chính sách rủi ro và quy trình quản trị rủi ro để phát hiện và khắc phục kịp thời các rủi ro có thể xảy ra.

5.6 Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, tai nạn... là các sự kiện không thể lường trước được và ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như gia tăng chi phí của Doanh nghiệp. Điển hình là diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã gây tác động nghiêm trọng đến hệ thống kinh tế và đời sống xã hội của cả nước. Đây là một sự kiện bất khả kháng mà không thể hoàn toàn khắc phục trong một khoảng thời gian ngắn để tránh gián đoạn hay trì trệ hoạt động kinh doanh.

Với quan điểm thận trọng đối với các rủi ro tiềm ẩn, VTS luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật cũng như các quy trình đã ban hành nhằm hạn chế tối đa các thiệt hại có thể xảy ra, cụ thể:

- Thường xuyên theo dõi tin tức kinh tế, xã hội, dự báo thiên tai, thay đổi môi trường.
- Thường xuyên xem xét và đánh giá lại, điều chỉnh ngay nếu cần thiết các quy trình nghiệp vụ của công ty để đảm bảo tuân thủ đúng với các quy định của luật pháp,
- Tăng cường việc giám sát, bảo trì máy móc và lập báo cáo đánh giá rủi ro định kỳ.
- Tham dự các buổi tập huấn về an toàn lao động, diễn tập Phòng cháy chữa cháy của tòa nhà văn phòng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2022 là một năm thử thách với nền kinh tế nói riêng và thị trường tài chính nói chung. Các nền kinh tế trên toàn thế giới đồng thời chịu áp lực từ chính sách tiền tệ thắt chặt từ phía ngân hàng trung ương của các nước, từ đó lạm phát tăng cao, sức tiêu dùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

của khối cá nhân và doanh nghiệp bị thu hẹp. Trong hoàn cảnh đó, GDP của Việt Nam tăng trưởng 8,02% trên mức nền tăng trưởng thấp suốt hai năm liền trước (GDP Việt Nam tăng lần lượt 2,87% và 2,56% trong năm 2020 và 2021). Tuy nhiên, Việt Nam phải đối mặt với những bất ổn về mặt bằng lãi suất và tỷ giá VND/USD khi môi trường kinh tế thế giới biến động mạnh, chuyển dịch từ chu kỳ nở rộ sang chu kỳ thất vọng tiền tệ. Sự diễn biến chung của nền kinh tế Thế giới, mặt bằng lãi suất huy động của Việt Nam cũng biến động tương ứng, khi lãi suất ghi nhận tăng mạnh khoảng 3% - 4% ở các kỳ hạn vào cuối năm 2022 so với mức đầu năm, phần nào cũng phản ánh xu hướng thất vọng tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước cũng như áp lực thanh khoản của toàn nền kinh tế.

- Trong bối cảnh vĩ mô phức tạp, VNINDEX giảm 31,8% so với cuối năm 2021, ghi nhận mức 1.007.09 điểm vào ngày 31/12/2022, HNX-index giảm 56,7%, kết năm ở mức 205,31 điểm. Thanh khoản thị trường cũng ghi nhận sự sụt giảm đáng kể về mức bình quân 21.906 tỷ/ phiên, tức giảm hơn 15% so với giai đoạn năm 2021. Xu hướng thanh khoản thu hẹp diễn ra càng rõ nét hơn trong giai đoạn cuối năm, gây khó khăn nghiêm trọng cho tất cả các công ty chứng khoán.
- Những diễn biến tiêu cực nêu trên đã tác động tới tình hình kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và VTS nói riêng. Cụ thể, như sau:
 - Doanh thu môi giới đạt 75% so với kế hoạch và bằng 86% so với tình hình thực hiện trong năm 2022. Doanh thu hoạt động khác (bao gồm doanh thu ký quỹ, doanh thu tự doanh và doanh thu khác) bằng 188% so với kế hoạch và 178% so với thực hiện trong năm 2022,
 - Tổng chi phí trong năm 2022 tăng mạnh 474,2% chủ yếu do chi phí ghi nhận từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) tăng mạnh 848,2%
 - Tổng kết, lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức lỗ khoảng 109 tỷ đồng trong năm 2022.

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch Năm 2022
Tổng doanh thu	80,889,592,030	49,600,000,000
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	8,205,982,578	10,923,000,000
Doanh thu các hoạt động khác	72,683,609,452	38,677,000,000
Lợi nhuận sau thuế	-109,144,389,728	12,796,094,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2021	Thực hiện Năm 2022	Biến động (%)
Tổng tài sản	335,627,402,513	199,772,301,667	-40.48%
Tài sản ngắn hạn	325,960,144,493	189,911,485,544	-41.74%
Tài sản dài hạn	9,667,258,020	9,860,816,123	2.00%
Tổng nguồn vốn	335,627,402,513	199,772,301,667	-40.48%
Tổng Nợ phải trả	21,118,929,433	2,430,831,526	-88.49%
Vốn chủ sở hữu	314,508,473,080	197,341,470,141	-37.25%
Tổng doanh thu	50,348,752,210	80,889,592,030	60.66%
Doanh thu nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán	9,564,727,904	8,205,982,578	-14.21%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	9,373,204,208	7,826,005,665	-16.51%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	30,042,504,153	63,863,561,048	112.58%
Doanh thu khác	1,368,315,945	994,042,739	-27.35%
Lợi nhuận trước thuế	17,021,783,263	-110,458,068,054	-748.92%
Lợi nhuận sau thuế	13,617,535,876	-109,144,389,728	-901.50%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành tại ngày 31/12/2022:

Nội dung	Tóm tắt lý lịch tại ngày 31/12/2022	
Họ và tên	Nguyễn Thị Cẩm Viên	Lê Quang Hồng
Chức vụ	Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng
Ngày bổ nhiệm	18/01/2013	04/08/2022
Trình độ văn hóa	Cử nhân	Cử nhân
Kinh nghiệm	Có hơn 10 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán	Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	18,987,000 cổ phiếu	0 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	63.3%	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2022

Trong năm 2022, Công ty Cổ Phần Chứng khoán Việt Thành có sự thay đổi trong thành viên ban điều hành như sau:

STT	Chức vụ	Tên thành viên tiền nhiệm	Tên thành viên đương nhiệm
1	Kế toán trưởng	Nguyễn Thị Bích Mỹ	Lê Quang Hồng

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên: 24 người.

2.4 Tóm tắt chính sách.

a. Về tiền lương

Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của Công ty và phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo đời sống cho người lao động đồng thời khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

b. Về chính sách đào tạo

Công ty thực hiện chế độ đào tạo cho CBCNV theo quy trình của công ty cũng như hỗ trợ CBCNV hoàn thành các khóa đào tạo về chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực chứng khoán. Bên cạnh đó công ty cũng hỗ trợ chi phí đào tạo chuyên môn, nâng cao năng lực của nhân viên trong từng bộ phận.

c. Về chế độ làm việc

Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 08 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ Tết, ốm, thai sản tuân theo đúng quy định của Luật lao động.

d. Về chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

Tất cả nhân viên chính thức của VTS được hưởng các chế độ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phù hợp Luật lao động. Ngoài ra, tùy các lĩnh vực mà nhân viên VTS còn nhận được các phụ cấp khác như: phụ cấp chuyên môn, phụ cấp công việc...

e. Về phúc lợi

Chính sách khen thưởng cho nhân viên VTS được dựa trên cơ sở gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng trong công việc của từng cá nhân.

Theo quy định chung, VTS có các chế độ cơ bản như: lương tháng 13, lương hoàn thành công việc, khen thưởng cho cá nhân xuất sắc, thưởng trong các dịp lễ Tết...

Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Không

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm công ty không thực hiện khoản đầu tư lớn nào.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

VTS không có công ty con, công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	335,627,402,513	199,772,301,667	-40.48%
Tổng doanh thu	50,348,752,210	80,889,592,030	60.66%
Lợi nhuận khác	-	-303,273,385	n/a
Lợi nhuận trước thuế	17,021,783,263	-110,458,068,054	-748.92%
Lợi nhuận sau thuế	13,617,535,929	-109,144,389,728	-901.50%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	16.46	78.13	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	16.46	78.13	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.06	0.01	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.07	0.01	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	-	-	Vòng
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-	
+ Vòng quay tổng tài sản: Tổng doanh thu/Tổng tài sản	0.15	0.40	Vòng
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau Thuế/ Tổng doanh thu	27.05	(134.93)	%
+ Hệ số lợi nhuận sau Thuế/Vốn chủ sở hữu	4.33	(55.31)	%
+ Hệ số lợi nhuận sau Thuế/Tổng tài sản	4.06	(54.63)	%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Tổng doanh thu	33.81	(136.18)	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 30,000,000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 30,000,000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông: phân theo các tiêu chí.

- Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn: 89.7% và cổ đông nhỏ: 10.3%;
- Cổ đông tổ chức: 26.4% và cổ đông cá nhân: 73.6%;
- Cổ đông trong nước: 100% và cổ đông nước ngoài: 0%;
- Cổ đông nhà nước: 0% và các cổ đông khác: 100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Không có sự kiện thay đổi vốn chủ sở hữu xảy ra trong năm.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tiêu thụ nước

- Công ty làm về lĩnh vực tài chính nên không sử dụng nước cho hoạt động kinh doanh chính.
- Trong năm qua, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về tiêu thụ năng lượng.

6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: công ty không bị xử phạt về luật pháp và các quy định về môi trường.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.3 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động: 24 người, mức lương trung bình đối với người lao động đạt 18,3 triệu đồng/người/ tháng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
 - Công ty luôn tuân thủ quy định về giờ làm việc theo luật lao động, nhân viên được nghỉ 1.5 tiếng buổi trưa, ngày lễ, cuối tuần và có 12 ngày phép/năm.
 - Xây dựng hệ thống đánh giá và xét tăng lương hàng năm dựa trên năng lực và hiệu quả làm việc của từng cá nhân.
 - Công ty có chính sách khuyến khích người lao động bằng những khoản tiền thưởng theo năng lực, lương tháng 13, tiền thưởng lễ, tết và phụ cấp, thăm hỏi ốm đau, bệnh tật.
 - Hàng năm, công ty còn tổ chức 1-2 chuyến du lịch nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết và giúp nhân viên xua tan mệt nhọc trong công việc.

6.4 Hoạt động đào tạo người lao động

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: công ty có chính sách tạm ứng học phí cho nhân viên học những khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, ngoài ra, công ty còn sắp xếp thời gian phù hợp để nhân viên có thể tham dự những buổi hội thảo do Sở giao dịch và cơ quan ban ngành tổ chức.

6.5 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Phương châm của công ty là “Sự phát triển kinh doanh phải luôn gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội”, do đó công ty luôn tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động, phong trào phát triển cộng đồng tại Địa phương nơi Công ty đặt trụ sở.

6.6 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

VTSC luôn tuân thủ theo các quy định bảo vệ môi trường, đồng thời thường xuyên nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong công ty trong vấn đề bảo vệ môi trường sống xung quanh. Công ty thường xuyên khuyến khích lưu trữ các văn bản điện tử nhằm hạn chế việc sử dụng tiết kiệm giấy và mực in, đồng thời khuyến khích nhân viên tạo các khoảng xanh trong văn phòng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tình hình của thị trường chứng khoán trong năm 2022 đầy biến động khi chỉ số VN-Index giảm 33% và nằm trong nhóm 4 thị trường chứng khoán giảm mạnh nhất thế giới. Nếu tính từ phiên đỉnh lịch sử (phiên 06/01/2022 tại mức đỉnh 1528,57 điểm), chỉ số đã giảm gần 522 điểm. Bên cạnh đó, thanh khoản thị trường cũng sụt giảm đáng kể từ đầu năm 2022, từ mức giao dịch bình quân 31.160 tỷ đồng/phiên trong quý I, thanh khoản thị trường bắt đầu sụt giảm mạnh từ tháng 4 và xuống mức thấp nhất trong tháng 11 với giá trị giao dịch bình quân chỉ đạt 13.017 tỷ đồng/phiên, giảm 58,2% so với quý I. Tính chung cho cả năm 2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 20.368 tỷ đồng/phiên, giảm 23,4% so với bình quân năm trước.
- Những chuyển biến tiêu cực trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 đã ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh đến các công ty chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của VTSC nói riêng. Kết quả, doanh thu nghiệp vụ môi giới của công ty giảm 14%, song song đó là tổng chi phí trong năm 2022 tăng mạnh 474,2% chủ yếu do chi phí ghi nhận từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) tăng mạnh 848,2%. Điều này đã tác động đến lợi nhuận sau thuế của công ty ghi nhận khoảng lỗ 109.1 tỷ đồng trong năm 2022. Chi tiết như sau:
 - Doanh thu môi giới đạt 75% so với kế hoạch và bằng 86% so với tình hình thực hiện trong năm 2022. Doanh thu hoạt động khác (bao gồm doanh thu ký quỹ, doanh thu tự doanh và doanh thu khác) bằng 188% so với kế hoạch và 178% so với thực hiện trong năm 2022,
 - Tổng chi phí trong năm 2022 tăng mạnh 474,2% chủ yếu do chi phí ghi nhận từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) tăng mạnh 848,2%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Tổng kết, lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức lỗ khoảng 109 tỷ đồng trong năm 2022.
- Ngoài ra, ban lãnh đạo công ty cũng chú trọng phát triển chất lượng hoạt động của phòng tự doanh và tư vấn nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động nghiên cứu, phân tích từ đó có thể tìm kiếm cơ hội đầu tư để kiếm ra lợi nhuận trong từng bối cảnh thị trường cụ thể, đảm bảo hiệu quả của hoạt động đầu tư, giảm thiểu tác động tiêu cực của rủi ro thị trường lên hoạt động của công ty, nhất là trong giai đoạn phức tạp và khó khăn như 2023.

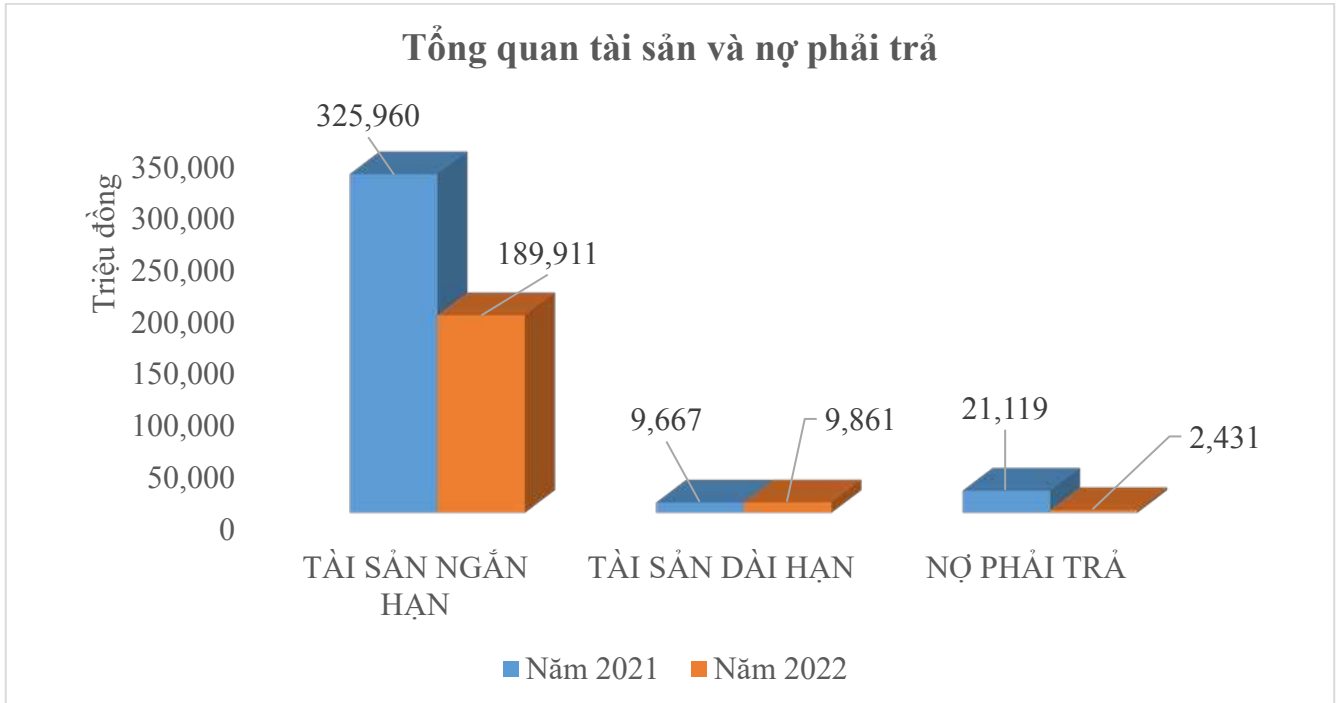
2. Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

Tiêu Chí (ĐVT: đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Biến động (%)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	325,960,144,493	189,911,485,544	-41.74%
Tiền và các khoản tương đương tiền	93,637,730,539	19,316,483,722	-79.37%
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	120,162,145,779	92,863,750,998	-22.72%
Các khoản cho vay	110,727,769,411	74,652,671,196	-32.58%
Các khoản phải thu	742,753,968	1,552,718,103	109.05%
Trả trước cho người bán	446,380,540	430,109,440	-3.65%
Tài sản ngắn hạn khác	243,364,256	1,095,752,085	350.25%
TÀI SẢN DÀI HẠN	9,667,258,020	9,860,816,123	2.00%
Tài sản cố định	2,817,253,128	2,313,442,131	-17.88%
Tài sản dài hạn khác	6,850,004,892	7,547,373,992	10.18%
TỔNG TÀI SẢN	335,627,402,513	199,772,301,667	-40.48%
NỢ PHẢI TRẢ	21,118,929,433	2,430,831,526	-88.49%
Nợ phải trả ngắn hạn	19,805,251,107	2,430,831,526	-87.73%
Nợ phải trả dài hạn	1,313,678,326	-	-100.00%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	314,508,473,080	197,341,470,141	-37.25%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Tình hình tài sản và nợ phải trả



- Tổng tài sản công ty cuối năm 2022 giảm -40.48% xuống còn 199.7 tỷ đồng, trong đó giảm mạnh tiền mặt (-79.37%) và các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVPTL) (-22.72%). Tổng các khoản phải thu của công ty tăng mạnh 109.05% so với đầu năm lên 1.55 tỷ đồng.
- Tổng nợ phải trả của công ty giảm 88.49%, trong đó nợ ngắn hạn giảm 87.73% và số dư nợ dài hạn giảm về 0 trong năm 2022.
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chênh lệch lãi vay: trong năm 2022, Công ty không có các khoản nợ xấu, nợ phải trả quá hạn, chênh lệch tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Trong năm 2022, công ty đã ban hành và sửa đổi các chính sách, quy trình nghiệp vụ nhằm cập nhật tính tuân thủ trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm của công ty.
- Bên cạnh đó, công ty cũng đang xây dựng và tiếp tục cải tiến quy trình bảo lãnh phát hành và các chính sách liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành để hoàn thiện hồ sơ xin cấp thêm nghiệp vụ này trong năm 2023.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục chú trọng phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng tệp khách hàng tiềm năng. Đồng thời, công ty cũng có chính sách nâng cao chất lượng của đội ngũ môi giới thông qua các buổi huấn luyện về kỹ năng phân tích, nhận định và tư vấn, thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa bộ phận môi giới với bộ phận tư vấn và phân tích nhằm liên tục cập nhật xu hướng thị trường, đưa ra các khuyến nghị đầu tư có giá trị và

kip thời cho khách hàng của công ty..

- Công ty tăng cường phát triển các sản phẩm, dịch vụ khách hàng phù hợp với nhu cầu và mục tiêu tài chính của khách hàng nhưng vẫn đảm bảo an toàn hoạt động cho công ty và các hoạt động rủi ro liên quan tới margin.
- Ngoài ra, công ty cũng sẽ đẩy nhanh quá trình tăng vốn trong năm 2023 và tiếp tục quá trình xin cấp phép nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành ngay khi đáp ứng đủ các yêu cầu theo luật định, trong đó có yêu cầu về vốn chủ sở hữu. Khi được cấp phép nghiệp vụ mới, công ty sẽ có cơ hội cung cấp các dịch vụ liên quan tới tư vấn, bảo lãnh phát hành các loại chứng khoán. Đây sẽ là nguồn doanh thu tiềm năng của công ty do nhu cầu về phát hành chứng khoán của các doanh nghiệp luôn có sẵn và sẽ càng phổ biến trong bối cảnh nguồn vốn tín dụng thắt chặt và hoạt động kinh doanh cũng như dòng tiền đang bị thu hẹp đáng kể.

5. *Giải trình của Ban giám đốc đối với vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.*

Vào ngày 13/12/2022, Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1023/QĐ-XPHC đối với Công ty cổ phần Chứng khoán Việt Thành, trong đó đề cập đến việc vi phạm quy định về hạn chế đầu tư của Công ty như sau: Ngày 30/12/2021, Công ty đầu tư quá 19,69% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (CII), tại thời điểm 31/03/2022 công ty đầu tư 28,21% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu CII và 16,09% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (VPB); tại thời điểm ngày 30/06/2022, công ty đầu tư 33,61% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu CII.

Sau khi tiếp nhận công văn của UBCKNN, Công ty đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư và thực hiện báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 250/CV-VTS/2022 ngày 20/12/2022. Cụ thể, căn cứ vào nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/11/2022 là **218.615.622.795 đồng**, Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị đầu tư vào cổ phiếu CII xuống còn **30.535.939.000 đồng** (tính theo giá trị tại ngày 30/11/2022), tương ứng với **tỷ lệ đầu tư cổ phiếu CII là 13,97% trên vốn chủ sở hữu** của Công ty tại ngày 30/11/2022. Bên cạnh đó, các cổ phiếu niêm yết khác trong danh mục đầu tư của Công ty đều tuân thủ các quy định về hạn chế đầu tư tại khoản 4 Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính khi tính trên giá trị đầu tư và vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/11/2022.

Vào thời điểm 31/12/2022, khoản đầu tư của Công ty vào mã chứng khoán CII và TCH trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán theo phương thức tính giá trị hợp lý trên Vốn chủ sở hữu Công ty (đã bao gồm phần lỗ chưa thực hiện khi đánh giá lại giá trị đầu tư) lần lượt là 13,91% và 9,53%. Cả hai tỷ lệ đầu tư này đều không vượt 15% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Đồng thời, theo ý kiến riêng của Công ty, việc tính giá gốc các khoản đầu tư vào mã cổ phiếu CII và TCH trên Vốn chủ sở hữu được định giá lại lần lượt là 29,28% và 17,04% chỉ mang tính chất tham khảo, nhằm giúp người đọc Báo cáo tài chính hiểu rõ hơn về tình hình đầu tư của Công ty và không vi phạm quy định về hạn chế đầu tư tại khoản 4 Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính

Trên đây là giải trình của Công ty nhằm giải thích về việc đầu tư cổ phiếu CII và TCH (tính theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm 31/12/2022) không vượt quá 15% vốn chủ sở hữu công ty tại Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Công ty luôn tuân thủ các quy định của nhà nước về các chỉ tiêu môi trường về tiêu thụ nước, năng lượng và phát thải.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Mức lương trung bình đối với người lao động đạt 18,3 triệu đồng/người/tháng
- Công ty luôn tuân thủ quy định về giờ làm việc theo luật lao động, nhân viên được nghỉ 1.5 tiếng buổi trưa, thứ bảy, chủ nhật và có 12 ngày phép/năm.
- Công ty có chính sách khuyến khích người lao động bằng những khoản tiền thưởng theo năng lực, lương tháng 13.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Năm 2022, Công ty đã chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương nơi đặt trụ sở làm việc, đồng thời thực hiện tốt các hoạt động xã hội cộng đồng và trách nhiệm với công tác an sinh xã hội.
- Nhân viên công ty hưởng ứng tích cực các phong trào hiến máu nhân đạo vì cộng đồng và một số chương trình về tái chế rác thải.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm 2022, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ 7/7 phiên họp nhằm thông qua các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong đó HĐQT đã họp và chỉ đạo thực hiện các thủ tục liên quan đến hoạt động công ty, bao gồm việc: nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo đúng quy định; nộp hồ sơ đăng ký thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
- Hội đồng quản trị đánh giá công ty đã tích cực trong việc tham gia các hoạt động về môi trường và xã hội do địa phương phát động, cũng như những hoạt động và phong trào do Ủy ban chứng khoán nhà nước và các Sở giao dịch phát động. Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao những thay đổi về nhận thức của đội ngũ cán bộ môi trường trong việc gìn giữ môi trường làm việc và tham gia các hoạt động xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện đầy đủ công tác giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, đảm bảo hoạt động của công ty luôn được điều hành đúng với định hướng chung của HĐQT, đồng thời phù hợp với diễn biến của môi trường kinh doanh, bảo vệ lợi ích của cổ đông một cách tốt nhất.
- Các thành viên HĐQT giữ vai trò chủ động trong việc chỉ đạo và hợp tác cũng như cố vấn cho Ban giám đốc trong hoạt động điều hành công ty ở từng thời kỳ, đảm bảo truyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

tài tốt định hướng phát triển và ưu tiên của HĐQT trong công tác vận hành công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo, giám sát kịp thời đối với Ban Giám đốc để đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện đầy đủ và chính xác.
- Phát triển chính sách lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó đoàn kết giữa các nhân viên trong Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngày bổ nhiệm
1	Nguyễn Thị Cẩm Viên	Chủ tịch HĐQT	63.3	05/10/2015
2	Nguyễn Ngọc Tranh	Thành viên HĐQT	2.5	01/06/2015
3	Mai Thành Chương	Thành viên HĐQT	0	31/12/2010

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo, theo đúng các nguyên tắc. Nội dung các cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2022 như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT/2022	11/03/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
2	02/NQ-HĐQT/2022	01/04/2022	Thông qua các nội dung trình lên ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
3	03/NQ-HĐQT/2022	16/08/2022	Thông qua các nội dung trình lên ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2022	100%
4	04/NQ-HĐQT/2022	17/08/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2022	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	06/NQ-HĐQT/2022	27/10/2022	Thông qua việc đăng ký cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	100%
6	07/NQ-HĐQT/2022	17/11/2022	Thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2022	100%
7	08/NQ-HĐQT/2022	05/12/2022	Thông qua các nội dung trình lên ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2022	100%

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngày bổ nhiệm
1	Đào Thị Lan	Trưởng BKS	0	01/10/2022
2	Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên BKS	0	01/05/2021
3	Nguyễn Văn Trung	Thành viên BKS	0	15/09/2020

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ tài chính của Công ty đối với nhà nước và người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm: Nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán kiểm tra các báo cáo soát xét giữa niên độ và báo cáo kiểm toán cuối năm tài chính 2022 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành của Việt Nam.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy chế quản trị Công ty và các quy định của pháp luật.
- Giám sát việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ cho quyền và lợi ích của cổ đông

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

STT	Bộ phận	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích	Ghi Chú
1	Hội Đồng Quản trị	360.000.000	Sau khi trừ đi Thuế và BHXH
2	Ban Kiểm soát	0	
3	Ban điều hành	2.125.838.951	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Công ty thực hiện cung cấp các dịch vụ giao dịch trên thị trường chứng khoán và thực hiện việc chi trả cổ tức cho những tổ chức/ cá nhân liên quan như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Đầu tư Việt Thành	Cổ đông lớn	Năm 2022	+ Phí giao dịch chứng khoán: 2.380.273.437 VND + Phí ứng trước tiền bán chứng khoán: 354.752.152 VND + Cổ tức: 1.434.000.000 VND
2	CTCP Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	Cổ đông lớn	Năm 2022	+ Phí giao dịch chứng khoán: 6.070.501 VND + Cổ tức: 550.000.000 VND
3	Thành viên HĐQT, ban TGD và các cá nhân liên quan		Năm 2022	+ Phí giao dịch chứng khoán: 15.127.809 VND + Cổ tức: 5.266.000.000 VND

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Các thành viên HĐQT và thành viên Ban TGD của VTS đã thực hiện đúng các quyền hạn và nghĩa vụ được giao, tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ của Công ty trong công tác quản lý và điều hành.
- BKS luôn tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban TGD, qua đó nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, BKS mới có điều kiện tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.
- BKS, HĐQT và Ban TGD luôn phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm tra, kiểm soát của BKS.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No 13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972

Tel: +84 (024) 3736 7879

Tel: +84 (0258) 246 5151

Tel: +84 (0292) 376 4995

kttv@a-c.com.vn

kttv.hn@a-c.com.vn

kttv.nt@a-c.com.vn

kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0818/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VI.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty đầu tư vào chứng khoán mã CII và mã TCH tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cao hơn 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Hoàng Yến

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		189.911.485.544	325.960.144.493
I. Tài sản tài chính		110		188.820.410.046	325.724.082.711
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		111	VI.1	19.316.483.722	93.637.730.539
1.1. Tiền		111.1		19.316.483.722	93.637.730.539
1.2. Các khoản tương đương tiền		111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)		112	VI.3	92.863.750.998	120.162.145.779
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		113		-	-
4. Các khoản cho vay		114	VI.4	74.652.671.196	110.727.769.411
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		116		-	-
7. Các khoản phải thu		117	VI.5	1.552.718.103	742.753.968
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		117.2		1.552.718.103	742.753.968
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		117.4		1.552.718.103	742.753.968
8. Trả trước cho người bán		118	VI.6	430.109.440	446.380.540
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		119		-	-
10. Phải thu nội bộ		120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán		121		-	-
12. Các khoản phải thu khác		122		4.676.587	7.302.474
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		129		-	-
II. Tài sản ngắn hạn khác		130		1.091.075.498	236.061.782
1. Tạm ứng		131		-	-
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn		133	VI.7a	31.516.168	236.061.782
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		135		-	-
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		136	VI.14	1.059.559.330	-
7. Tài sản ngắn hạn khác		137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		139		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		9.860.816.123	9.667.258.020
I. Tài sản tài chính dài hạn		210		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn		211		-	-
2. Các khoản đầu tư		212		-	-
2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		212.1		-	-
2.2 Đầu tư vào công ty con		212.2		-	-
2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		212.3		-	-
2.4 Đầu tư dài hạn khác		212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		213		-	-
II. Tài sản cố định		220		2.313.442.131	2.817.253.128
1. Tài sản cố định hữu hình		221	VI.8	985.034.895	202.530.900
- Nguyên giá		222		3.687.777.256	2.661.404.556
- Giá trị hao mòn lũy kế		223a		(2.702.742.361)	(2.458.873.656)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý		223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
- Nguyên giá		225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		226a		-	-
- Đánh giá TSCĐTC theo giá trị hợp lý		226b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	VI.9	1.328.407.236	2.614.722.228
- Nguyên giá		228		7.704.726.000	7.551.776.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		229a		(6.376.318.764)	(4.937.053.772)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý		229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
- Nguyên giá		231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý		232b		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		250		7.547.373.992	6.850.004.892
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		251	VI.10	590.400.000	590.400.000
2. Chi phí trả trước dài hạn		252	VI.7b	50.416.982	63.571.093
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		253	VI.11	-	-
4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		254	VI.12	6.906.557.010	6.196.033.799
5. Tài sản dài hạn khác		255		-	-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn		260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		199.772.301.667	335.627.402.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		2.430.831.526	21.118.929.433
I. Nợ phải trả ngắn hạn		310		2.430.831.526	19.805.251.107
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		311		-	-
1.1 Vay ngắn hạn		312		-	-
1.2 Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn		314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cầu phần nợ		315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		316		-	-
5. Vay Quỹ hỗ trợ thanh toán		317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		318	VI.13	942.990.000	16.616.980.000
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính		319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn		320		-	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		322	VI.14	299.996.418	2.071.396.716
11. Phải trả người lao động		323	VI.15	732.369.814	660.775.310
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn		325	VI.16	251.203.457	451.827.244
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn		326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn		329	VI.17	204.271.837	4.271.837
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn		330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		332		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn		340		-	1.313.678.326
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		341		-	-
1.1 Vay dài hạn		342		-	-
1.2 Nợ thuê tài chính dài hạn		343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn		344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cầu phần nợ		345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn		346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn		347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn		348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn		349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn		350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn		353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		354		-	-
13. Quỹ bảo vệ nhà đầu tư		355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		356	VI.18	-	1.313.678.326
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		357		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mễ Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.341.470.141	314.508.473.080
I.	Vốn chủ sở hữu	410		197.341.470.141	314.508.473.080
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		301.000.000.000	301.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a	VI.19	300.000.000.000	300.000.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	411.2	VI.19	1.000.000.000	1.000.000.000
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phần vốn	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.19	(103.658.529.859)	13.508.473.080
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(50.684.570.395)	8.253.759.774
7.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(52.973.959.464)	5.254.713.306
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		199.772.301.667	335.627.402.513

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		8.207.490	2.688.339
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-
14. Chứng quyền	014		-	-
B - TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
<i>Số lượng chứng khoán</i>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.20	125.321.135	173.315.781
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		15.497.043	20.457.128
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		109.746.092	152.394.653
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		78.000	464.000
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	VI.21	112.059	46.132
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		112.059	46.132
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mễ Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7.	Tiền gửi của khách hàng	026	VI.22	4.050.114.257	55.194.070.473
7.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		3.645.694.257	33.658.515.473
7.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		404.420.000	21.535.555.000
	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		404.420.000	21.535.555.000
	<i>Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		-	-
7.4	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.23	4.050.114.257	55.194.070.473
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		4.050.114.257	55.194.070.473
8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-
9.	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10.	Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033		-	-
11.	Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	-


Đinh Lập Nhân
Người lập biểu

Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mễ Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		63.863.561.048	30.042.504.153
a. Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL	01.1	VII.1	28.120.049.983	20.201.358.960
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC PVTPL	01.2	VII.2	33.632.619.999	9.819.176.289
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL	01.3		2.110.891.066	21.968.904
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4		-	-
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VII.3	7.826.005.665	9.373.204.208
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5 Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VII.4	8.205.982.578	9.564.727.904
1.7 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VII.4	558.584.572	643.558.463
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VII.4	-	260.345.610
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	VII.4	3.483.520	10.252.900
Cộng doanh thu hoạt động	20		80.457.617.383	49.894.593.238
2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		175.722.589.863	18.532.472.270
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VII.1	82.547.618.768	15.932.165.630
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VII.2	93.174.971.095	2.600.306.640
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4		-	-
2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.5 Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.5	2.262.676.469	2.608.625.814
2.8 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.5	809.256.622	696.817.774
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		-	-
Cộng chi phí hoạt động	40		178.794.522.954	21.837.915.858

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mễ Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không có	42	VII.6	431.226.615	454.158.972
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		431.226.615	454.158.972
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2 Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5 Chi phí tài chính khác	55		-	-
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
5. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
6. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VII.7	12.249.115.713	11.489.053.089
7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(110.154.794.669)	17.021.783.263
8. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		748.032	-
8.2 Chi phí khác	72		304.021.417	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(303.273.385)	-
9. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		(110.458.068.054)	17.021.783.263
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		(50.915.716.958)	9.802.913.614
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(59.542.351.096)	7.218.869.649
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		(1.313.678.326)	3.404.247.387
10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.14	-	1.960.473.458
10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	VI.18	(1.313.678.326)	1.443.773.929
11. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		(109.144.389.728)	13.617.535.876
12. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	300		-	-
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2 Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3 Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4 Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		-	-
13. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		(3.651)	812
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VII.9	(3.651)	812
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-



Đinh Lập Nhân
Người lập biểu



Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(110.458.068.054)	17.021.783.263
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		1.683.133.697	1.577.718.372
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.8, VI.9	1.683.133.697	1.577.718.372
- Các khoản dự phòng	04		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	-
- Dự thu tiền lãi	08		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		93.174.971.095	2.600.306.640
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	VII.2	93.174.971.095	2.600.306.640
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(33.632.619.999)	(9.819.176.289)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	VII.2	(33.632.619.999)	(9.819.176.289)
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(49.232.583.261)	11.380.631.986
- Tăng, giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	VI.3	(32.243.956.315)	(98.311.339.325)
- Tăng, giảm Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	-
- Tăng, giảm Các khoản cho vay	33	VI.4	36.075.098.215	4.258.601.171
- Tăng, giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
- Tăng, giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-
- Tăng, giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	VI.5	(809.964.135)	21.548.366
- Tăng, giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu khác	39		2.625.887	(6.382.997)
- Tăng, giảm các tài sản khác	40	VI.6, VI.10, VI.12	(694.252.111)	(597.070.201)
- Tăng, giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	VI.16	(200.623.787)	89.365.804
- Tăng, giảm chi phí trả trước	42	VI.7	217.699.725	(234.806.223)
- Thuế TNDN đã nộp	43	VI.14	(2.713.424.277)	(775.880.166)
- Lãi vay đã trả	44		-	-
- Tăng, giảm phải trả cho người bán	45		-	-
- Tăng, giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	-
- Tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	VI.14	(117.535.351)	(187.388.424)
- Tăng, giảm phải trả người lao động	48	VI.15	71.594.504	279.561.752
- Tăng, giảm phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49		-	-
- Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	50	V.13	(15.673.990.000)	16.526.913.104
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(322.613.211)	(400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(65.641.924.117)	(67.956.245.153)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	VI.8, VI.9, IX.	(1.179.322.700)	(2.550.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(1.179.322.700)	(2.550.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		-	150.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
- Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
- Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
- Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
- Tiền chi trả gốc gốc vay khác	74.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76	VI.19	(7.500.000.000)	(4.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		(7.500.000.000)	145.500.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		(74.321.246.817)	74.993.754.847
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	VI.1	93.637.730.539	18.643.975.692
- Tiền	101.1		93.637.730.539	18.643.975.692
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	VI.1	19.316.483.722	93.637.730.539
- Tiền	103.1		19.316.483.722	93.637.730.539
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mễ Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		12.525.200.828.937	13.555.063.775.362
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(12.576.344.785.153)	(13.555.698.671.706)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		-	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	10		-	-
11. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	11		-	-
12. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	13		-	-
14. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		(51.143.956.216)	(634.896.344)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VI.22	55.194.070.473	55.828.966.817
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		55.194.070.473	55.828.966.817
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		33.658.515.473	37.265.928.317
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		21.535.555.000	18.563.038.500
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	-
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Các khoản tương đương tiền	36		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	VI.22	4.050.114.257	55.194.070.473
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		4.050.114.257	55.194.070.473
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		3.645.694.257	33.658.515.473
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		404.420.000	21.535.555.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	-
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Các khoản tương đương tiền	46		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-


Đinh Lập Nhân
Người lập biểu

Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mễ Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kề, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm				Số tăng/giảm				Số dư cuối năm			
		Năm trước		Năm nay		Năm trước		Năm nay		Năm trước		Năm nay	
						Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
I. Biến động vốn chủ sở hữu		155.790.937.206	314.508.473.080	163.617.535.876	(4.900.000.000)	(109.144.389.728)	(8.022.613.211)	314.508.473.080	197.341.470.141	314.508.473.080	197.341.470.141	314.508.473.080	197.341.470.141
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VI.19	151.000.000.000	301.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	301.000.000.000	301.000.000.000	301.000.000.000	301.000.000.000	301.000.000.000	301.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	300.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phần vốn		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.790.937.206	13.508.473.080	13.617.535.876	(4.900.000.000)	(109.144.389.728)	(8.022.613.211)	13.508.473.080	(103.658.529.859)	13.508.473.080	(103.658.529.859)	13.508.473.080	(103.658.529.859)
8. Lợi nhuận chưa phân phối		5.441.415.221	8.253.759.774	7.842.440.156	(4.900.000.000)	(50.915.716.958)	(8.022.613.211)	8.383.855.377	(50.684.570.395)	8.383.855.377	(50.684.570.395)	8.383.855.377	(50.684.570.395)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (*)		(650.478.015)	5.254.713.306	5.775.095.720	-	(58.228.672.770)	-	5.124.617.703	(52.973.959.464)	5.124.617.703	(52.973.959.464)	5.124.617.703	(52.973.959.464)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		155.790.937.206	314.508.473.080	163.617.535.876	(4.900.000.000)	(109.144.389.728)	(8.022.613.211)	314.508.473.080	197.341.470.141	314.508.473.080	197.341.470.141	314.508.473.080	197.341.470.141

II. Thu nhập toàn diện khác

1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Lãi, lỗ đánh giá lại TD theo mô hình giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của ngoại tệ mạnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Lãi, lỗ toàn diện khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		155.790.937.206	314.508.473.080	163.617.535.876	(4.900.000.000)	(109.144.389.728)	(8.022.613.211)	314.508.473.080	197.341.470.141	314.508.473.080	197.341.470.141	314.508.473.080	197.341.470.141

(*) Trong đó, tiền truy thu và phát chậm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước theo Quyết định số 3479/QĐ-CT ngày 27 tháng 10 năm 2022 số tiền là 122.613.221 VND được ghi giảm hoàn mục Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện năm 2023

[Signature]

Đinh Lập Nhân
Người lập biểu

Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 84/UBCK – GPHĐKD ngày 05 tháng 3 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 4 tháng 4 năm 2007 và sửa đổi bổ sung ngày 29 tháng 12 năm 2021.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

- Quy mô vốn của Công ty: 300.000.000.000 VND.
- Mục tiêu hoạt động: không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.
- Hạn chế đầu tư của Công ty:
 - Không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
 - Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.
 - Không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

2.1. Nguyên tắc phân loại và ghi nhận tài sản tài chính (FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS):

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu, bao gồm các loại sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO FÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.2. Nguyên tắc phân loại nợ tài chính:

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính, hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao, và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng chưa ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu thanh toán.

2.5. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2.6. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp

Công ty nhận các tài sản đầu tư được thế chấp/cầm cố do Công ty quản lý để đảm bảo các khoản cho vay của Công ty.

Trong trường hợp bên đi vay không thực hiện đúng nghĩa vụ phải trả, Công ty sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của bên đi vay sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của bên đi vay bắt đầu quá hạn.

Các tài sản nhận thế chấp/cầm cố được theo dõi riêng và không trình bày trên Báo cáo tài chính.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính: Toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán (không qua các Sở Giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác: phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay” trong năm.

4. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm
03 – 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm đến 05 năm.

7. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

7.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - a. Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - b. Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

7.2. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO-TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

9. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán, vay tiền margin và có hợp đồng ký quỹ đảm bảo. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là thấp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.074.635.414	16.999.999.805
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.241.848.308	76.637.730.734
Cộng	19.316.483.722	93.637.730.539

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
<i>Của công ty chứng khoán</i>	45.499.493	1.334.870.015.300
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	45.499.493	1.334.870.015.300
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
<i>Của người đầu tư</i>	290.361.958	7.464.860.081.310
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	290.361.958	7.464.860.081.310
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Cộng	335.861.451	8.799.730.096.610

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu</i>				
BVH	2.276.990.000	2.330.000.000	2.693.130.159	2.525.600.000
CEE	-	-	2.355.600.000	2.627.400.000
CII ⁽ⁱ⁾	57.782.411.836	27.450.425.998	61.930.896.327	67.112.088.062
CTG	-	-	8.277.610.308	8.468.293.517
DXG	-	-	3.449.285.000	3.500.000.000
HSG	20.836.665.162	16.387.140.000	6.172.972.353	6.358.000.000
IJC	6.605.000.000	3.509.000.000	-	-
DIG	1.508.875.000	1.287.000.000	-	-
NBB	8.158.769.098	7.812.800.000	-	-
HPG	2.277.500.000	1.800.000.000	-	-
TCH ⁽ⁱ⁾	33.635.899.437	18.801.510.000	-	-
PVD	2.154.848.760	2.231.250.000	-	-
VPB	10.600.751.169	11.254.625.000	28.714.260.003	29.570.764.200
Cộng	145.837.710.462	92.863.750.998	113.593.754.150	120.162.145.779

- ⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đầu tư vào mã chứng khoán CII và TCH với tỷ lệ giá trị đầu tư theo giá gốc trên Vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là 29,28% và 17,04%, vượt 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty. Trường hợp xác định theo giá trị hợp lý thì tỷ lệ giá trị đầu tư theo giá trị hợp lý trên Vốn chủ sở hữu của Công ty tương ứng của các mã chứng khoán CII và TCH lần lượt là 13,91% và 9,53%.

4. Các khoản cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho vay bên liên quan</i>	319.533.333	5.298.386.901
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành - Ứng trước tiền bán chứng khoán	319.533.333	5.298.386.901
<i>Cho vay các tổ chức và cá nhân khác</i>	74.333.137.863	105.429.382.510
Ứng trước tiền bán chứng khoán	846.534.022/	3.101.149.944
Phải thu theo hợp đồng ký quỹ margin	73.486.603.841	102.328.232.566
Cộng	74.652.671.196	110.727.769.411

5. Các khoản phải thu

Phải thu tiền lãi của hợp đồng ký quỹ margin.

6. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm F&B	430.000.000	430.000.000
Trả trước cho người bán khác	109.440	16.380.540
Cộng	430.109.440	446.380.540

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	13.503.332	217.331.146
Chi phí dịch vụ	18.012.836	18.730.636
Cộng	31.516.168	236.061.782

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	33.731.351	54.223.253
Chi phí dịch vụ	16.685.631	9.347.840
Cộng	50.416.982	63.571.093

8. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	2.661.404.556	2.661.404.556
Mua trong năm	648.605.700	377.767.000	1.026.372.700
Số cuối năm	648.605.700	3.039.171.556	3.687.777.256
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.210.951.148	2.210.951.148
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	2.458.873.656	2.458.873.656
Khấu hao trong năm	108.100.957	135.767.748	243.868.705
Số cuối năm	108.100.957	2.594.641.404	2.702.742.361
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	202.530.900	202.530.900
Số cuối năm	540.504.743	444.530.152	985.034.895
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.551.776.000
Mua trong năm	152.950.000
Số cuối năm	7.704.726.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.301.776.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	4.937.053.772
Khấu hao trong năm	1.439.264.992
Số cuối năm	6.376.318.764
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.614.722.228
Số cuối năm	1.328.407.236
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ghi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

Ký quỹ thuê văn phòng ở tòa nhà Mê Linh Point Tower, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	52.973.959.464	-
<i>Chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i>	52.973.959.464	-
Lỗi tính thuế	50.915.716.958	-
Cộng	103.889.676.422	-

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

12. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.196.033.799	5.615.344.145
Tiền nộp bổ sung	710.523.211	580.689.654
Số cuối năm	6.906.557.010	6.196.033.799

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả tiền gửi bù trừ giao dịch chứng khoán tự doanh.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	147.672	-	2.663.052	(2.740.752)	69.972	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.573.303.894	-	80.561.053	(2.713.424.277)	-	1.059.559.330
Thuế thu nhập cá nhân	497.945.150	-	1.232.543.964	(1.430.562.668)	299.926.446	-
Các loại thuế khác	-	-	74.073.566	(74.073.566)	-	-
Cộng	2.071.396.716	-	1.389.841.635	(4.220.801.263)	299.996.418	1.059.559.330

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm là tiền thuế truy thu từ các năm trước theo Quyết định số 3479/QĐ-CT ngày 27 tháng 10 năm 2022, Công ty điều chỉnh giảm Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện năm nay.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ môi giới chứng khoán Không chịu thuế
- Dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO-TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(50.915.716.958)	9.802.913.614
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(50.915.716.958)	9.802.913.614
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	1.960.582.720
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	(109.262)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	1.960.473.458

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả nhân viên.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí giao dịch sàn	129.313.902	303.013.439
Phí lưu ký chứng khoán và phí chuyển khoản	39.000.000	57.621.337
Các khoản chi phí khác	82.889.555	91.192.468
Cộng	251.203.457	451.827.244

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	180.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên - Thủ lao phải trả HĐQT	180.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	24.271.837	4.271.837
Cộng	204.271.837	4.271.837

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi do chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	1.313.678.326
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.313.678.326)
Số cuối năm	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	189.870.000.000	189.870.000.000
Ông Mai Thanh Trường	7.700.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	57.360.000.000	57.360.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	22.000.000.000	22.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	7.620.000.000	7.620.000.000
Bà Hồ Trần Ngọc Anh	5.450.000.000	5.450.000.000
Ông Lê Hữu Giáp	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

Theo Giấy phép điều chỉnh số 125/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 tương ứng với 30.000.000 cổ phần.

19b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện cuối năm lần lượt là (50.684.570.395) VND và (52.973.959.464) VND (số đầu năm là 8.253.759.774 VND và 5.254.713.306 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19d. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm nay	Năm trước
Lãi đã thực hiện chưa phân phối lũy kế đầu năm	8.253.759.774	5.441.415.221
Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện lũy kế đầu năm	5.254.713.306	(650.478.015)
Lãi/(Lỗ) đã thực hiện trong năm	(50.915.716.958)	7.842.440.156
Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện trong năm	(58.228.672.770)	5.775.095.720
Chi thù lao Hội đồng quản trị	(400.000.000)	(400.000.000)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông tính đến ngày cuối năm	(96.035.916.648)	18.008.473.082
Số lãi phân phối cho cổ đông	7.500.000.000	4.500.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	(275.800.000)	(165.480.000)
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	7.224.200.000	4.334.520.000

20. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	51.230.844	20.457.128
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	148.394.653	152.394.653
Tài sản tài chính chờ thanh toán	253.500	464.000
Cộng	199.878.997	173.315.781

- 21. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng với số lượng cuối năm là 112.059 (số lượng đầu năm là 46.132).

22. Tiền gửi của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.645.694.257	33.658.515.473
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	404.420.000	21.535.555.000
Cộng	4.050.114.257	55.194.070.473

- 23. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý**
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý số cuối năm là 4.050.114.257 VND (số đầu năm là 55.194.070.473 VND).

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**1. Lãi (lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi /(lỗ) bán chứng khoán Năm nay	Năm trước
Lãi bán HSG	800.000	31.090.365.000	27.916.971.401	3.173.393.599	-
Lãi bán BVH	604.400	37.191.550.000	34.260.547.960	2.931.002.040	249.670.886
Lãi bán VPB	3.056.100	106.303.205.000	101.392.656.268	4.910.548.732	-
Lãi bán CII	1.826.300	84.282.080.000	71.265.540.112	13.016.539.888	16.184.345.515
Lãi bán BID	92.700	4.068.385.000	3.830.700.000	237.685.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến	Lãi /(lỗ) bán chứng khoán	
Lãi bán NBB	645.100	16.122.480.000	14.843.270.902	1.279.209.098	-
Lãi bán CEE	151.000	2.446.200.000	2.355.600.000	90.600.000	-
Lãi bán DXG	100.000	3.557.760.000	3.449.285.000	108.475.000	906.772.179
Lãi bán CTG	556.400	19.686.290.000	18.972.032.135	714.257.865	135.578.602
Lãi bán BCG	500.000	13.435.790.000	12.885.000.000	550.790.000	130.000.000
Lãi bán DIG	60.000	1.152.000.000	1.034.625.000	117.375.000	-
Lãi bán DPM	212.300	10.818.430.000	10.019.150.000	799.280.000	1.290.345.000
Lãi bán PVD	300.000	5.362.505.000	5.171.611.239	190.893.761	307.000.000
Lãi bán EIB	-	-	-	-	74.825.000
Lãi bán MBB	-	-	-	-	45.000.000
Lãi bán PRT	-	-	-	-	877.821.778
Cộng lãi				28.120.049.983	20.201.358.960
Lỗ bán HSG	1.420.000	40.787.130.000	50.219.415.789	(9.432.285.789)	(3.301.292.647)
Lỗ bán BVH	33.200	1.943.760.000	1.997.782.198	(54.022.198)	(2.975.300.727)
Lỗ bán IJC	100.000	2.700.000.000	3.375.000.000	(675.000.000)	-
Lỗ bán VPB	2.506.596	79.785.097.600	89.498.073.266	(9.712.975.666)	(3.122.459.997)
Lỗ bán CII	6.551.700	142.828.195.000	202.288.004.379	(59.459.809.379)	(5.517.835.192)
Lỗ bán TCH	80.300	973.145.000	1.493.737.563	(520.592.563)	-
Lỗ bán BID	29.100	960.300.000	1.016.680.000	(56.380.000)	-
Lỗ bán DXG	-	-	-	-	(211.752.179)
Lỗ bán CTG	1.134.800	36.823.000.000	39.459.553.173	(2.636.553.173)	(798.788.295)
Lỗ bán PRT	-	-	-	-	(4.736.593)
Cộng lỗ				(82.547.618.768)	(15.932.165.630)

2. Chênh lệch tăng / (giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính (FVTPL)

Danh mục các tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
HPG	2.277.500.000	1.800.000.000	(477.500.000)	-	(477.500.000)	-	(477.500.000)
HSG	20.836.665.162	16.387.140.000	(4.449.525.162)	185.027.647	(4.634.552.809)	-	(4.634.552.809)
BVH	2.276.990.000	2.330.000.000	53.010.000	(167.530.159)	220.540.159	220.540.159	-
IJC	6.605.000.000	3.509.000.000	(3.096.000.000)	-	(3.096.000.000)	-	(3.096.000.000)
VPB	10.600.751.169	11.254.625.000	653.873.831	856.504.197	(202.630.366)	2.520.297.955	(2.722.928.321)
CII	57.782.411.836	27.450.425.998	(30.331.985.838)	5.181.191.740	(35.513.177.578)	30.546.850.645	(66.060.028.223)
TCH	33.635.899.437	18.801.510.000	(14.834.389.437)	-	(14.834.389.437)	-	(14.834.389.437)
BID	-	-	-	-	-	11.830.000	(11.830.000)
NBB	8.158.769.098	7.812.800.000	(345.969.098)	-	(345.969.098)	-	(345.969.098)
CEE	-	-	-	271.800.000	(271.800.000)	256.700.000	(528.500.000)
DXG	-	-	-	50.715.000	(50.715.000)	-	(50.715.000)
CTG	-	-	-	190.683.207	(190.683.207)	-	(190.683.207)
DIG	1.508.875.000	1.287.000.000	(221.875.000)	-	(221.875.000)	-	(221.875.000)
PVD	2.154.848.760	2.231.250.000	76.401.240	-	76.401.240	76.401.240	-
Cộng	145.837.710.462	92.863.750.998	(52.973.959.464)	6.568.391.632	(59.542.351.096)	33.632.619.999	(93.174.971.095)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Doanh thu từ hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán.

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu các bên liên quan

Các giao dịch về lãi từ các khoản cho vay và phải thu các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành		
Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	354.752.152	68.295.078
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên		
Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	-	14.383.045

4. Doanh thu hoạt động khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu môi giới chứng khoán	8.205.982.578	9.564.727.904
Doanh thu lưu ký chứng khoán	558.584.572	643.558.463
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	260.345.610
Doanh thu khác	3.483.520	10.252.900
Cộng	8.768.050.670	10.478.884.877

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan		
Phí giao dịch chứng khoán	-	121.968.683
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành		
Phí giao dịch chứng khoán	2.380.273.437	3.203.502.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên		
Phí giao dịch chứng khoán	6.070.501	442.877.617

5. Chi phí hoạt động

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí môi giới chứng khoán	2.262.676.469	2.608.625.814
Phí lưu ký chứng khoán	809.256.622	696.817.774
Cộng	3.071.933.091	3.305.443.588

6. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	69.853.450	78.463.440
Lãi ký quỹ thanh toán	361.373.165	375.695.532
Cộng	431.226.615	454.158.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.926.505.132	6.350.301.614
Chi phí công cụ, dụng cụ	363.861.031	160.201.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.683.133.688	1.584.097.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.918.778.345	3.076.163.867
Các chi phí khác	356.837.517	318.288.343
Cộng	12.249.115.713	11.489.053.089

8. Chi phí khác

Chi phí phạt do vi phạm hành chính.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(109.144.389.728)	13.617.535.876
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(400.000.000)	(400.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(109.544.389.728)	13.217.535.876
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.000.000	16.278.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.651)	812

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Ghi chú</u>
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản trả trước tiền mua sắm tài sản cố định là 430.000.000 VND (số đầu năm là 430.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả	5.516.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị	400.000.000	400.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số VI.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.442.480.112	2.086.494.124
Bảo hiểm	19.166.490	15.301.440
Tiền thưởng, tiền phép	-	96.766.003
Cộng	2.461.646.602	2.198.561.567

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	Cổ đông góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VII.3 và VII.4, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành		
Ứng trước tiền bán chứng khoán	373.579.517.181	123.884.925.628
Cổ tức phải trả	1.434.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên		
Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	20.374.838.819
Cổ tức phải trả	550.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh VI.4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.377.600.000	2.361.600.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	1.377.600.000
Cộng	1.377.600.000	3.739.200.000

Công ty thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 và được gia hạn thời gian thuê đến ngày 31 tháng 7 năm 2023.

3. Thông tin về bộ phận

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh môi giới và lưu ký chứng khoán.
- Lĩnh vực kinh doanh tự doanh.
- Lĩnh vực cho vay margin
- Các lĩnh vực khác: tư vấn tài chính và lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.764.567.150	63.863.561.048	7.826.005.665	3.483.520	80.457.617.383
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.764.567.150	63.863.561.048	7.826.005.665	3.483.520	80.457.617.383
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.692.634.059	(111.859.028.815)	7.826.005.665	3.483.520	(98.336.905.571)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(12.249.115.713)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(110.586.021.284)
Doanh thu hoạt động tài chính					431.226.615
Chi phí tài chính					-
Thu nhập khác					748.032
Chi phí khác					(304.021.417)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.313.678.326
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(109.144.389.728)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>					<u>1.179.322.700</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					<u>1.729.882.474</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>					-
	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.208.286.367	30.042.504.153	9.373.204.208	270.598.510	49.894.593.238
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>10.208.286.367</u>	<u>30.042.504.153</u>	<u>9.373.204.208</u>	<u>270.598.510</u>	<u>49.894.593.238</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.902.842.779	11.510.031.883	9.373.204.208	270.598.510	28.056.677.380
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(11.489.053.089)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					16.567.624.291
Doanh thu hoạt động tài chính					454.158.972
Chi phí tài chính					-
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.960.473.458)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.443.773.929)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>13.617.535.876</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>					<u>2.641.502.274</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					<u>1.619.947.039</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>					-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Môi giới chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	93.806.740.998	76.205.389.299	-	169.069.140.297
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					30.703.161.370
Tổng tài sản					199.772.301.667

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	942.990.000	-	-	942.990.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.487.841.526
Tổng nợ phải trả					2.430.831.526

	Môi giới chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	136.779.125.779	111.470.523.379	-	248.249.649.158
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					87.377.753.355
Tổng tài sản					335.627.402.513

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	16.616.980.000	-	-	16.616.980.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					4.501.949.433
Tổng nợ phải trả					21.118.929.433

4. Thông tin khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty dự kiến phát hành cổ phần cho cổ đông chiến lược và/hoặc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh doanh với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 20.000.000 cổ phiếu và tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là 200.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 29 tháng 12 năm 2022, Công ty tạm hoãn phát hành cổ phần sang năm 2023.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đinh Lập Nhân
Người lập biểu

Lê Quang Hồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2023

CHỦ TỊCH HĐQT

kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN